TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/DS-PT
Ngày 22 - 8 - 2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Bùi Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2022, về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện O bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông A, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông B, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông C, sinh năm 1943 (Có đơn xin vắng mặt);

2. Ông D, sinh năm 1961(Có đơn xin vắng mặt);

3. Bà E, sinh năm 1959 (Có đơn xin vắng mặt);

4. Bà G, sinh năm 1963 (Có đơn xin vắng mặt);

5. Chị H, 33 tuổi (Vắng mặt);

6. Chị I, 35 tuổi (Vắng mặt);

7. Anh K, sinh năm 2000 (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

8. Ông C1, sinh năm 1953; Địa chỉ: Ấp 4, thị trấn P, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt);

9. Ông D1; Địa chỉ: Ấp 1, thị trấn P, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt);

10. Bà E1, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp Q, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt).

11. G1, sinh năm 1952;

13. H1, sinh năm 1955;

14. I1 (còn gọi Quá), sinh năm 1962;

15. K1, sinh năm 1960;

16. C2, sinh năm 1969;

17. D2, sinh năm 1955; Địa chỉ: Ấp R, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

18. E2, sinh năm 1956;

19. G2, sinh năm 1958;

20. H2, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã N A, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông D2, bà G1, bà H1, ông I1 (Quá), bà K1, bà C2, bà E2, ông G2, bà H2: Ông A, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (theo các văn bản ủy quyền ngày 28/10/2017; ngày 15/8/2022 và ngày 17/8/2022).

21. I2, sinh năm 1971;

22. K2, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị I2, chị K2: Ông B, sinh năm 1965; Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu (theo văn bản ủy quyền ngày 02/10/2019).

23. Ủy ban nhân dân huyện O (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn P, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/7/2018 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông A trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ ông là ông C3 và bà D3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995 và được cấp đổi đứng tên hộ ông C3 và bà D3 vào năm 2009. Ông A là con trai sống cùng với bà D3, ông C3 nên khi bà D3, ông C3 chết, ông A thừa hưởng phần đất này.

Đất của ông A và ông B giáp ranh với nhau và có chung 01 cái đìa rộng khoảng 04m, dài khoảng 50m. Trước đây, mẹ ông A và ông E3 là cha của ông B có thỏa thuận phân chia mỗi người ½ cái đìa, hai bên có cặm trụ làm ranh và có trồng 01 cây dừa phía giáp lộ hiện nay. Sau này cây dừa chết, ông E3 có trồng thêm 02 lần nữa và lấn qua phần đất của ông, khi trồng thì ông cũng có ngăn cản nhưng ông E3 vẫn trồng, do ông nghĩ là cậu cháu nên không báo địa phương can thiệp. Khoảng năm 2017, ông B cất nhà lấn qua phần đất của ông nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Tại đơn khởi kiện ông A yêu cầu ông B giao trả phần đất diện tích 32,3m^2 và 17,6m^2. Trong quá trình giải quyết vụ án ông A yêu cầu ông B giao trả 39m^2. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông A chỉ yêu cầu ông B giao trả phần đất diện tích 21,9m^2 nằm tại thửa số 109, tờ bản đồ số 44 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C3. Đối với diện 17,1m^2 thuộc một phần thửa 1102, tờ bản đồ số 13 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông E3 thì ông A không yêu cầu đối với phần đất này.

- *Theo bị đơn ông B trình bày:* Nguồn gốc phần đất tranh chấp ông E3 – là cha của ông B. Ông E3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay vẫn chưa làm thủ tục cấp đổi. Trước đây, phần đất tranh chấp do ông E3 quản lý sử dụng không có tranh chấp, năm 2014, ông E3 chết thì ông B là người trực tiếp sử dụng phần đất cho đến nay. Phần giáp ranh đất giữa ông E3 và ông A có cái đìa chung, đìa có chiều ngang khoảng 04m, dài từ lộ xe đến giáp kênh M. Vào năm 2010, hai bên có thỏa thuận mỗi người hưởng ½ cái đìa. Sau khi thỏa thuận, giữa ông E3 với bà Tảo (vợ ông A) và con ông A tên Lê Văn Lệnh chứng kiến việc cặm trụ làm ranh, tổng cộng có 13 cây trụ đá, trong đó, có 01 trụ giáp kênh, trên lộ có trồng 01 cây dừa, trồng vào khoảng năm 2000. Thời điểm ông B cất nhà, ông A không ngăn cản, nhà ông B xây dựng cách nay đã 10 năm. Đến năm 2017, ông B dỡ nhà cũ xây dựng nhà mới cũng trên nền cũ, nhưng ông A nói ông lấn qua phần đất của ông A nên phát sinh tranh chấp.

Nay ông A yêu cầu ông giao trả phần đất diện tích 21,9m^2 nằm tại thửa số 109, tờ bản đồ số 44 nằm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C3 thì ông không đồng ý. Ông B xác định tổng diện tích đất 39m^2 là toàn bộ phần đất của ông B nên không đồng ý giao trả đất theo yêu cầu của ông A.

Từ những nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông B.

Buộc ông B, I2, K2 giao trả cho ông A (đại diện những người cùng hàng thừa kế thứ nhất của ông C3 và bà D3 gồm G1, H1, I1, K1, C2, D2, E2, G2 và

Lê Thị Dân) phần đất diện tích 13,2m^2 nằm tại thửa số 109 tờ bản đồ số 44 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C3 và bà D3 đứng tên, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí như sau:

Cạnh hướng Đông giáp phần đất tranh chấp thứ nhất và giáp phần đất ông B, cạnh dài 53,9m.

Cạnh hướng Tây giáp phần đất tranh chấp, cạnh dài 53,9m.

Cạnh hướng Nam giáp kênh M điểm 00m.

Cạnh hướng Bắc giáp lộ S, cạnh dài 0,2m.

Buộc ông B giao trả cho ông A (đại diện những người cùng hàng thừa kế thứ nhất của ông C3 và bà D3 gồm G1, H1, I1, K1, C2, D2, E2, G2 và Lê Thị Dân) số tiền 8.700.000đ.

Ông B được quyền quản lý sử dụng phần đất diện tích 8,7m^2 nằm tại thửa số 109 tờ bản đồ số 44 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C3 và bà D3 đứng tên, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất của ông B, giáp phần đất tranh chấp 17,1m^2, cạnh dài 2,45m + 1,2m + 18,25m.

- Cạnh hướng Tây giáp phần đất tranh chấp còn lại 13,2m^2, cạnh dài 2,45m + 1,2m + 18,25m.

- Cạnh hướng Nam giáp phần đất tranh chấp 13,2m, cạnh dài 0,3m.

- Cạnh hướng Bắc giáp đường N – N, cạnh dài 0,5m.

Ông B được quyền đến cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 8,7m^2 nằm tại thửa số 109 tờ bản đồ số 44 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C3 và bà D3 đứng tên, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, lãi suất trong giai đoạn thi hành án, áp dụng các Điều 2, 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án và tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 14 tháng 6 năm 2022, bị đơn ông B kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đồng ý nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, lệ phí photo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản vẽ số tiền là 4.926.500 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông B giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu về phần án phí dân sư sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng theo quy định tại Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự trong vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn có mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin vắng mặt tại Tòa án hoặc đã ủy quyền tham gia tố tụng cho người khác. Do đó, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung: Căn cứ các Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/3/2019 (BL 80-81) và ngày 15/4/2022 (BL 319-320) và Bản hiện trạng khu đất tranh chấp (Bút lục 122) thể hiện diện tích đất tranh chấp theo yêu cầu của ông A qua đo đạc thực tế, có vị trí và số đo như sau:

Phần đất thứ 1: diện tích 8,7m^2

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất của ông B, giáp phần đất tranh chấp 17,1m^2, cạnh dài 2,45m + 1,2m + 18,25m.

- Cạnh hướng Tây giáp phần đất tranh chấp còn lại 13,2m^2, cạnh dài 2,45m + 1,2m + 18,25m.

- Cạnh hướng Nam giáp phần đất tranh chấp 13,2m, cạnh dài 0,3m.

- Cạnh hướng Bắc giáp đường N – N, cạnh dài 0,3m.

Phần đất thứ 2: diện tích 13,2m^2

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất tranh chấp thứ nhất và giáp phần đất ông B, cạnh dài 53,9m.

- Cạnh hướng Tây giáp phần đất tranh chấp, cạnh dài 53,9m.

- Cạnh hướng Nam giáp kênh M điểm 00m.

- Cạnh hướng Bắc giáp lộ S, cạnh dài 0,2m.

[4] Xét nguồn gốc đất tranh chấp: Nguyên đơn ông A xác định phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ ông A là ông C3 và bà D3, ông C3 và bà D3 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ông A là con trai sống cùng với bà D3, ông C3 nên khi ông C3 bà D3 chết, ông A thừa hưởng phần đất này. Bị đơn ông B xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông E3 là cha của ông B, đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1995 cho ông E3, hiện nay vẫn chưa làm thủ tục cấp đổi. Trước đây, phần đất tranh chấp do ông E3 quản lý sử dụng không có tranh chấp, năm 2014 cha ông E3 mất thì ông E3 là người trực tiếp sử dụng phần đất cho đến nay.

[5] Xét thấy, ông A đưa ra chứng cứ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông C3 và bà D3 vào năm 1995 và cấp đổi năm 2009, tại thửa số 109, tờ bản đồ số 44, diện tích 1.584,1m^2 để chứng minh cho yêu cầu của ông; ông B đưa ra chứng cứ là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông E3 tại thửa số 493, 1079, 1098, 1102 và 1104 tờ bản đồ số 13m, tổng diện tích 31.050m^2. Tuy nhiên, theo xác định của cơ quan chuyên môn thì diện tích 21,9m^2 tại thửa số 109, tờ bản đồ số 44 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C3 và bà D3 (là cha mẹ của ông A). Do phần đất 21,9m^2 được ông C3 và bà D3 sử dụng từ trước năm 1995, đến khi ông C3 và bà D3 chết đã giao lại đất cho ông A sử dụng đến trước năm 2017, nên ông A và gia đình ông A có quá trình sử dụng đất ổn định, lâu dài không tranh chấp và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân huyện O xác định trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông C3 và D3 và cấp đổi lại năm 2009 là đúng với quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy (Bản tự khai ngày 10/01/2022 và Công văn số 216/UB ngày 18/01/2021 của UBND huyện O – BL 177-178).

[6] Mặt khác, tại buổi hòa giải tại Tòa án cấp huyện ngày 29/8/2019 (BL 131-135), ông B khẳng định yêu cầu Tòa án giải quyết theo hiện trạng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nếu kết quả đo đạc phần đất tranh chấp nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ai thì người đó được quyền quản lý, sử dụng đất; Trường hợp thuộc quyền sử dụng đất của ông A thì ông B tự nguyện di dời nhà và trả đất, trường hợp thuộc quyền sử dụng của ông B thì ông B sẽ được tiếp tục quản lý, sử dụng đất. Ý kiến này cũng được ghi nhận rõ trong Biên bản về việc kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 29/8/2019 (BL 128-130). Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A là đã xem xét đánh giá chứng cứ khách quan, toàn diện, áp dụng đúng quy định pháp luật.

[7] Xét kháng cáo của ông B không đồng ý với án sơ thẩm, yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Như đã phân tích trên, xét về nguồn gốc đất tranh chấp, quá trình sử dụng đất lâu dài, ổn định không tranh chấp của nguyên đơn và nguyên đơn đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được cơ quan có thẩm quyền xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C3 và D3 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, ông B thừa nhận lời trình bày của ông về việc bà D3, ông Lệnh (con ông

A) và ông cùng có mặt thống nhất cặm ranh đất không A lập thành văn bản, không có sự chứng kiến của chính quyền địa phương, phía ông A không thừa nhận có sự việc thống nhất cặm ranh đất như ông B trình bày, ông B không có chứng cứ chứng minh, ngoài ra, ông B không cung cấp thêm chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông B.

[8] Đối với nội dung kháng cáo của ông B không đồng ý nộp án phí; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, lệ phí photo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản vẽ số tiền là 4.926.500 đồng. Xét thấy, do yêu cầu khởi kiện của ông A được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông B phải chịu án phí là đúng quy định pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 70, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông A không phải chịu chi phí, ông B có nghĩa vụ phải chịu toàn bộ chi phí. Do đó, cấp sơ thẩm giải quyết vụ án về chi phí tố tụng và án phí buộc ông B phải chịu là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông B về nội dung kháng cáo này.

[9] Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông B phải trả giá trị diện tích 8,7m^2 là do trên diện tích 8,7m^2 đã có một phần căn nhà của ông B là loại nhà bê tông cốt thép, nền lót gạch men nên không thể tháo dỡ, để đảm bảo không ảnh hưởng đến căn nhà nên cấp sơ thẩm giao diện tích 8,7m^2 cho ông B, buộc ông B trả giá trị là phù hợp. Do trong vụ án này các đương sự chỉ tranh chấp về quyền sử dụng đất, tranh chấp ai là người có quyền sử dụng và Tòa án đã chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, xác định ông A là người có quyền sử dụng đất, các bên không tranh chấp về giá trị tài sản. Do đó, cấp sơ thẩm tính án phí trên số tiền ông B có nghĩa vụ trả cho ông A là chưa đúng, cần sửa án sơ thẩm về án phí, áp dụng điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[10] Án phí phúc thẩm: do không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông B nên ông B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[11] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bác kháng cáo của ông B; đề nghị sửa một phần Bản án số 46/2022/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu về án phí dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[12] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông B; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện O, tỉnh Bạc Liêu về án phí.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 165, khoản 1 Điều 228; Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584; Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A đối với ông B.

2. Buộc ông B, I2, K2 giao trả cho ông A (đại diện những người cũng hàng thừa kế thứ nhất của ông C3 và bà D3 gồm G1, H1, I1, K1, C2, D2, E2, G2 và Lê Thị Dân) phần đất diện tích 13,2m^2 nằm tại thửa số 109 tờ bản đồ số 44 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C3 và bà D3 đứng tên, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí như sau:

Cạnh hướng Đông giáp phần đất tranh chấp thứ nhất và giáp phần đất ông B, cạnh dài 53,9m.

Cạnh hướng Tây giáp phần đất tranh chấp, cạnh dài 53,9m.

Cạnh hướng Nam giáp kênh M điểm 00m.

Cạnh hướng Bắc giáp lộ S, cạnh dài 0,2m.

Buộc ông B giao trả cho ông A (đại diện những người cũng hàng thừa kế thứ nhất của ông C3 và bà D3 gồm G1, H1, I1, K1, C2, D2, E2, G2 và Lê Thị Dân) số tiền 8.700.000 đồng (trị giá phần đất diện tích 8,7m^2 nằm tại thửa số 109 tờ bản đồ số 44).

Ông B được quyền quản lý sử dụng phần đất diện tích 8,7m^2 nằm tại thửa số 109 tờ bản đồ số 44 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C3 và bà D3 đứng tên, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí như sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất của ông B, giáp phần đất tranh chấp 17,1m^2, cạnh dài 2,45m + 1,2m + 18,25m.

- Cạnh hướng Tây giáp phần đất tranh chấp còn lại 13,2m^2, cạnh dài 2,45m + 1,2m + 18,25m.

- Cạnh hướng Nam giáp phần đất tranh chấp 13,2m, cạnh dài 0,3m.

- Cạnh hướng Bắc giáp đường N – N, cạnh dài 0,5m.

Ông B được quyền đến cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 8,7m^2 nằm tại thửa số 109 tờ bản đồ số 44 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C3 và bà D3 đứng tên, tọa lạc tại ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Bạc Liêu.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, lệ phí photo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản vẽ số tiền 4.926.500 đồng ông B phải chịu. Ông A đã nộp tạm ứng số tiền 4.926.500 đồng đã chi hết, buộc ông B giao trả cho ông A.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông A không phải chịu, ông A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011363 ngày 31/8/2018 được hoàn lại toàn bộ. Ông B phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện O.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ông B đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0002418 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện O, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), không A hoàn lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện O (01 bản);
- CCTHADS huyện O (01 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt